

Bản án số: 76/2025/HS-PT

Ngày: 20-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: Ông **Đinh Phước Hoà**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 512/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Đặng Bảo L** và các bị cáo khác về tội “Nhận hối lộ”, “Môi giới hối lộ”.

Do có kháng cáo bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2025/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Đặng Bảo L**, sinh ngày 17/02/1973, tại Thành phố Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **số E H, phường K, quận C, Thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Phó Giám đốc phụ trách **Công ty Cổ phần Đ1**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Đặng N** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị L1**; có vợ là **Lê Thị Tố T** và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/01/2023, chuyển tạm giam ngày 09/02/2023, đến ngày 14/4/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lãnh”, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Đình Á**, sinh ngày 24/6/1968, tại Thành phố Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **số C Hải Phòng, phường T, quận T, Thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Trưởng phòng Kiểm định **Công ty Cổ phần Đ1**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

không; con ông **Trần B** và bà **Nguyễn Thị H** (đã chết); có vợ là **Nguyễn Thị T1** và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/01/2023, chuyển tạm giam ngày 09/02/2023, đến ngày 31/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh”, có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Huân N1**, sinh ngày 02/8/1970, tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Tổ C, phường M, quận N, Thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Phó Giám đốc **Công ty Cổ phần Đ1**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Trần Gia T2** (đã chết) và bà **Trần Thị Tuyết H1** (đã chết); có vợ là **Hoàng Thị Kiều P** và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/01/2023, chuyển tạm giam ngày 09/02/2023, đến ngày 14/4/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh”, có mặt tại phiên tòa.

4. **Trần Duy T3**, sinh ngày 29/6/1979, tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **khối phố B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: Đăng kiểm viên bậc cao **Trung tâm Đ2**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Trần Đ** và bà **Võ Thị T4**; có vợ là **Nguyễn Thị T5** và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/01/2023, chuyển tạm giam ngày 09/02/2023, đến ngày 31/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh”, có mặt tại phiên tòa.

5. **Phan Văn T6**, sinh ngày 06/6/1983, tại Thành phố Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **số C T, phường A, quận T, Thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Đăng kiểm viên bậc cao **Trung tâm Đ2**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Phan Văn A** và bà **Bùi Thị Kim T7**; có vợ là **Trần Thị Phương T8** và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/01/2023, chuyển tạm giam ngày 09/02/2023, đến ngày 14/4/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh”, có mặt tại phiên tòa.

6. **Trần Quốc T9**, sinh ngày 05/10/1977, tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **Tổ E, phường H, quận C, Thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Đăng kiểm viên **Trung tâm Đ2**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Trần Tấn P1** và bà **Ngô Thị H2**; có vợ là **Ngô Thị Mỹ L2** và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/01/2023, chuyển tạm giam ngày 09/02/2023, đến ngày 31/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho “Bảo lĩnh”, có mặt tại phiên tòa.

7. **Phan Nam K**, sinh ngày 12/10/1985, tại Thành phố Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **số A T, phường B, quận H, Thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Đăng kiểm viên bậc cao **Trung tâm Đ2**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Phan Xuân H3** và bà **Nguyễn Thị H4**; có vợ là **Nguyễn Thị Phương D** và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

8. **Võ Quốc L3**, sinh ngày 15/02/1979, tại Thành phố Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **số H P, phường H, quận T, Thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Đăng kiểm viên **Trung tâm Đ2**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Võ Văn L4** (đã chết) và bà **Huỳnh Thị N2**; có vợ là **Phạm Thị Thanh T10** và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

9. **Phạm Minh T11**, sinh ngày 14/8/1983, tại **huyện D, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **số B Đ, phường H, quận C, Thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: Đăng kiểm viên **Trung tâm Đ2**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Phạm A** và bà **Huỳnh Thị L6**; có vợ là **Hồ Thị Li N3** và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

10. **Lâm Văn Lê L5**, sinh ngày 17/3/1990, tại **huyện T, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **số E N, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: Đăng kiểm viên **Trung tâm Đ2**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Lâm Hữu V** và bà **Lê Thị P2**; có vợ là **Phan Thị Thủy T12** và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

11. **Trương Việt H5**, sinh ngày 20/12/1989, tại **huyện D, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **khối phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: Đăng kiểm viên **Trung tâm Đ2**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Trương K1** và bà **Đỗ Thị M**; có vợ là **Trần Thị Phi V1** và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

12. **Lê Đình N4**, sinh ngày 08/01/1981, tại **huyện T, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: **thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng**

Nam; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê C và bà Nguyễn Thị B1; có vợ là Nguyễn Thị Hạ N5 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn Đăng H6, sinh ngày 25/10/1982 tại thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Q, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Đăng K2 (đã chết) và bà Dương Thị D1; có vợ là Hà Thị H7 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

14. Đoàn Văn V2, sinh ngày 25/8/1981, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ A, khối phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đoàn Văn B2 và bà Hồ Thị Q; có vợ là Phạm Thị H8 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn V2 theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Vũ Minh T13 - Văn phòng Luật sư Vũ Minh T13, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: Số A T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Trương Việt H5 theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Trương Trọng T14 - Văn phòng Luật sư Vũ Minh T13, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: Số A T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Đ1 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4001134187 (đăng ký lần đầu ngày 04/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/4/2019) do ông Phạm Quốc H9 làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật, địa chỉ công ty: ngã 3 C, đường H, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, ngành nghề kinh doanh chính: kiểm định xe cơ giới. Công ty Cổ phần Đ1 thành lập Trung tâm Đ2, Trung tâm có tổng cộng 12 Đảng kiểm viên (ĐKV), trong đó có 06 ĐKV bậc cao gồm: Đặng Bảo L, Trần Huân N1, Trần Đình Á, Phan Văn T6, Trần Duy T3, Phan Nam K và 06 ĐKV gồm: Phạm Minh T11, Lâm Văn Lê L5, Võ Quốc L3, Trần Quốc T9, Trương Việt H5, Nguyễn Đình T15; có 06 nhân viên nghiệp vụ kiểm định gồm: Lê Thị Tố T, Huỳnh Thị Bích L6, Phạm Huỳnh

Linh G, Lê Thị Minh N6 và Nguyễn Thành T16, Phan Gia P3 và 02 bảo vệ gồm: Lê Đình N4 và Nguyễn Đăng H6; Nguyễn Thị Mỹ D2 - Kế toán trưởng, Lê Thị T17 (phục vụ nấu ăn). Trong quá trình hoạt động, ngày 01/02/2018 ông Phạm Quốc H9 ký quyết định ủy quyền số: 07-QĐ/CTY về việc ủy quyền cho Đặng Bảo L, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Đ2 thuộc Công ty Cổ phần Đ1. Theo Quyết định ủy quyền, Đặng Bảo L chịu trách nhiệm quản lý điều hành mọi hoạt động liên quan đến công tác kiểm định tại Trung tâm Đ2 và đại diện Công ty làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan.

Khoảng cuối năm 2018, Trung tâm Đ2 đã tổ chức cuộc họp trong đó thông báo chủ trương nhận tiền từ các chủ phương tiện và lái xe để bỏ qua lỗi của các phương tiện để cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Theo đó, trong quá trình kiểm định, các ĐKV thuộc Trung tâm Đ2 đã bỏ qua lỗi của các phương tiện để cấp giấy chứng nhận kiểm định không đúng với quy định tại Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 20/11/2015 của Bộ trưởng Bộ G1 quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Quá trình điều tra đã xác định: Khi các chủ phương tiện kiểm định xe muốn bỏ qua lỗi để được cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thì liên hệ trực tiếp với các ĐKV của Trung tâm Đăng kiểm 92-01D hoặc người môi giới (là Lê Đình N4, Nguyễn Đăng H6, Đoàn Văn V2) để trao đổi, thỏa thuận và đưa tiền. Các ĐKV phụ trách dây chuyền trong tuần sẽ theo dõi tổng số xe được bỏ qua lỗi để cấp giấy chứng nhận kiểm định, lần lượt mỗi ngày thì một ĐKV phòng kiểm định nhận giữ tiền. Đến đầu tuần sau thì 06 ĐKV nhận giữ tiền của 06 ngày trong tuần sẽ tổng hợp cùng với ĐKV phụ trách dây chuyền trong tuần để đối chiếu số tiền, ĐKV phụ trách dây chuyền trong tuần có trách nhiệm lập bảng kê chi tiết số tiền nhận của từng người và báo cáo Trần Đình Á để kiểm tra và trình Đặng Bảo L phê duyệt để chi tiền. Sau đó Đặng Bảo L tổ chức cuộc họp nhân viên của Trung tâm đăng kiểm 92-01D và thông báo số tiền thu được từ các chủ phương tiện sẽ gộp chung lại và chia theo tỷ lệ: 40% số tiền được nộp về Công ty, còn lại 60% thì chia cho các nhân viên theo tỷ lệ: Đặng Bảo L 1.35, Trần Huân N1 1.3, T 1.2, Phan Văn T6 1.15, Trần Duy T3 1.15, P 1.15, T 1.0, V 1.0, Phạm Minh T11 1.0, Trương Việt H5 1.0, Lâm Văn Lê L5 1.0, Trương Chí T18 1.0 (nghỉ từ tháng 4/2020), Lê Thị Tố T 0.2, Huỳnh Thị Bích L6 0.16, Phạm Huỳnh Linh G 0.14, Lê Thị Minh N6 0.14, Nguyễn Thành T16 0.14, P 0.14 (nghỉ từ tháng 7/2022), Phan Gia P3 0.11, Nguyễn Thị H10 0.09 (nghỉ từ tháng 10/2022), Lê Đình N4 0.04 và Nguyễn Đăng H6 0.04.

Tổng cộng, trong thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2022 có 519 lượt phương tiện xe tải có mui có gắn thêm tời, bộ trích công suất, thay đổi kết cấu thùng xe... đến kiểm định tại Trung tâm Đăng kiểm 92-01D, các chủ xe đã đưa tiền cho các ĐKV hoặc người môi giới với số tiền từ 200.000 đồng đến 1.700.000 đồng/1 lần kiểm định để xin bỏ qua các lỗi trên để được cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Tổng số tiền tính từ ngày 01/7/2020 là thời hiệu xử lý kỷ luật theo quy định của Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật viên chức số

58/2010/QH12 có hiệu lực là 401.100.000 đồng (Bốn trăm không một triệu, một trăm ngàn đồng).

Trong số tiền nộp về Công ty Cổ phần Đ1 mà các ĐKV đã nhận, có chi lại cho ông Phạm Quốc H9 - Giám đốc của Công ty. Khi nhận tiền từ bà Nguyễn Thị Mỹ D2, ông H9 hỏi Đặng Bảo L tiền từ đâu thì L cho biết đây là tiền mà chủ phương tiện đi kiểm định bồi dưỡng, anh em chia lại cho ông H9. Sau đó, ông H9 tiếp tục hỏi việc kiểm định có đúng quy định của pháp luật không thì Đặng Bảo L cho biết là mọi quá trình của trung tâm đều đúng quy định. Do tin tưởng Đặng Bảo L là Phó Giám đốc phụ trách trực tiếp và số tiền từng lần nhận khoảng hơn 01 triệu đồng nên ông H9 không có ý kiến gì thêm. Qua quá trình điều tra đã xác định ông Phạm Quốc H9 không nhớ số lần nhận tiền, tổng số tiền nhận là bao nhiêu. Số tiền trên sau khi nhận, ông H9 sử dụng vào mục đích xã hội.

* Đồ vật, tài liệu tạm giữ:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC 03) Công an tỉnh Q đã tạm giữ những đồ vật, tài liệu như sau:

- 01 CPU (mẫu máy: HP 280 G4 MT Business PC, số sê-ri: 8CG9324KS1) được cài đặt với máy tính công đoạn 3 dây chuyền 2 Trung tâm Đăng kiểm 92-01D, CPU được niêm phong có chữ ký của ông Phạm Văn V3 - Phó Giám đốc và đóng dấu của Công ty Cổ phần Đ1.

- 01 CPU máy vi tính, máy hiệu Fujitsu, số seri MaqF003141, đã được niêm phong có chữ ký của ông Đặng Bảo L - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đ1.

- 01 CPU máy vi tính, đã được niêm phong có chữ ký của ông Đặng Bảo L - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đ1.

- 01 điện thoại di động hiệu S 20, tên thiết bị SM-N980F/DS, số sê-ri: RF8N814R3ZP, đã niêm phong có chữ ký của Đặng Bảo L.

- 01 điện thoại di động hiệu S màu đen, đã niêm phong có chữ ký của Trần Đình Á.

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đỏ đen, đã được niêm phong có chữ ký của Phan Văn T6.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, đã niêm phong có chữ ký của Trần Quốc T9.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, đã niêm phong có chữ ký của Trần Duy T3.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, đã niêm phong có chữ ký của Trần Huân N1.

- 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax, đã niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị Mỹ D2.

- 02 USB chứa dữ liệu hình ảnh các phương tiện kiểm định tại Trung tâm Đăng kiểm 92-01D, đã được niêm phong có chữ ký của Đặng Bảo L.

- 01 ổ cứng chứa dữ liệu hình ảnh các phương tiện kiểm định tại Trung tâm Đăng kiểm 92-01D, đã được niêm phong có chữ ký của [Đặng Bảo L.](#)

- 03 sổ theo dõi thu chi hàng ngày của thủ quỹ [Huỳnh Thị Bích L6](#) (gồm 161 tờ có chữ ký của [Huỳnh Thị Bích L6](#)).

* Thu giữ số tiền:

- Số tiền Cơ quan điều tra tạm giữ khi thực hiện việc khám xét khẩn cấp [Trung tâm Đ2](#) là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Số tiền này đã nộp vào tài khoản tạm giữ số 394909046393 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) tại [Kho bạc Nhà nước tỉnh Q.](#)

- Các bị cáo khắc phục hậu quả số tiền 492.665.000 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), số tiền trên nộp vào tài khoản tạm giữ số 394909046393 của Cơ quan CSĐT tại [Kho bạc Nhà nước tỉnh Q.](#)

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Tuyên bố:

Các bị cáo [Đặng Bảo L.](#), [Trần Đình Á](#), [Trần Huân N1](#), [Trần Duy T3](#), [Phan Văn T6](#), [Trần Quốc T9](#), [Phan Nam K.](#), [Võ Quốc L3](#), [Phạm Minh T11](#), [Lâm Văn Lê L5](#) và [Trương Việt H5](#) phạm tội “Nhận hối lộ”.

Các bị cáo [Lê Đình N4](#), [Nguyễn Đăng H6](#) và [Đoàn Văn Vi phạm T19](#) “Môi giới hối lộ”.

1.2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); riêng các bị cáo [Đặng Bảo L.](#), [Trần Đình Á](#), [Phan Nam K.](#), [Phạm Minh T11](#) áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

+ Bị cáo [Đặng Bảo L](#) 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 14/4/2023).

+ Bị cáo [Trần Huân N1](#) 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 14/4/2023).

+ Bị cáo [Trần Đình Á](#) 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 31/3/2023).

+ Bị cáo **Trần Duy T3** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 31/3/2023).

+ Bị cáo **Phan Văn T6** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 14/4/2023).

+ Bị cáo **Trần Quốc T9** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 31/3/2023).

+ Bị cáo **Phan Nam K** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

+ Bị cáo **Võ Quốc L3** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

+ Bị cáo **Phạm Minh T11** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

+ Bị cáo **Lâm Văn Lê L5** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

+ Bị cáo **Trương Việt H5** 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 5 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Cấm các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Huân N1**, **Trần Đình Á** đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Cấm các bị cáo **Trần Duy T3**, **Phan Văn T6**, **Trần Quốc T9**, **Phan Nam K**, **Võ Quốc L3**, **Phạm Minh T11**, **Lâm Văn Lê L5**, **Trương Việt H5** đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 01 (một) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 365; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt:

+ Bị cáo **Lê Đình N4** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

+ Bị cáo **Đoàn Văn V2** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

+ Bị cáo **Nguyễn Đăng H6** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, trình bày thêm các tình tiết giảm nhẹ mới và tài liệu chứng minh kèm theo.

Luật sư **Vũ Minh T13** bào chữa cho bị cáo **Đoàn Văn V2**, **Trương Việt H5**: các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và bị cáo **V2** không có hưởng lợi trong vụ án này, đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Đình Á**, **Trần Huân N1** sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Duy T3**, **Lâm Văn L5**, **Phan Nam K**, **Phan Văn T6**, **Trần Quốc T9**, **Nguyễn Đăng H6**, **Đoàn Văn V2**, **Lê Đình N4**, **Phan Minh T20**, **Võ Quốc L3**, **Trương Việt H5** sửa án sơ thẩm, cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử, đã được cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn luật định và đảm bảo quy định tố tụng nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ được chứng minh có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong quá trình thực hiện công tác kiểm định xe cơ giới, các ĐKV của **Trung tâm Đ2** thuộc **Công ty Cổ phần Đ1** gồm **Đặng Bảo L**, **Trần Đình Á**, **Trần Huân N1**, **Trần Duy T3**, **Phan Văn T6**, **Trần Quốc T9**, **Phan Nam K**, **Võ Quốc L3**, **Phạm Minh T11**, **Lâm Văn Lê L5**, **Trương Việt H5** đã thống nhất chủ trương nhận tiền từ các chủ phương tiện, lái xe (các ĐKV trực tiếp nhận tiền hoặc thông qua người môi giới là **Nguyễn Đăng H6**, **Lê Đình N4**, **Đoàn Văn V2** nhận tiền) để bỏ qua các lỗi vi phạm để cấp giấy chứng nhận kiểm định cho các phương tiện không đủ điều kiện kiểm định. Số tiền nhận được các bị cáo chia nhau theo tỷ lệ đã thống nhất và hỗ trợ cho các bộ phận công việc khác tại Trung tâm. Kết quả điều tra xác định, từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2022, đã có 519 lượt phương tiện xe tải có mui có gắn thêm tời, bộ trích công suất, thay đổi kết cấu thùng xe... đến kiểm định tại **Trung tâm Đ2**. Các chủ xe, lái xe đã đưa tiền cho các ĐKV hoặc người môi giới với số tiền từ 200.000 đồng đến 1.700.000 đồng/1 lần kiểm định để xin bỏ qua các lỗi trên để được cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Các bị cáo đã nhiều lần nhận hối lộ nhưng từng lần nhận hối lộ số tiền dưới 2.000.000 đồng. Căn cứ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo tổng giá trị tiền nhận hối

lộ nếu các hành vi này chưa có lần nào bị xử lý kỷ luật và chưa hết thời hiệu xử lý kỷ luật. Theo quy định tại Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được, thì xác định tổng số tiền các bị cáo đã nhận hối lộ là 401.100.000 đồng. Trong đó:

- Bị cáo **Đặng Bảo L**, chức vụ Phó Giám đốc phụ trách **Công ty Cổ phần Đ1**. Bị cáo **L** là người phụ trách trực tiếp, quản lý mọi hoạt động của Trung tâm Đăng kiểm 92-01D theo sự ủy quyền của ông **Phạm Quốc H9** - Giám đốc **Công ty Cổ phần Đ1**. được hưởng lợi số tiền 30.000.000 đồng từ tổng số tiền nhận hối lộ.

- Bị cáo **Trần Huân N1**, chức vụ Phó Giám đốc **Công ty Cổ phần Đ1** được hưởng lợi số tiền 45.200.000 đồng từ tổng số tiền nhận hối lộ.

- Bị cáo **Trần Đình Á**, chức vụ Trưởng phòng Kiểm định, hưởng lợi số tiền 44.050.000 đồng từ tổng số tiền nhận hối lộ.

- Bị cáo **Trần Duy T3**, **Phan Văn T6**, **Phan Nam K** mỗi bị cáo được hưởng lợi số tiền 43.500.000 đồng; bị cáo **Trần Quốc T9**, **Võ Quốc L3**, **Lâm Văn Lê L5**, **Trương Việt H5**, **Phạm Minh T11** mỗi bị cáo hưởng lợi số tiền 41.705.000 đồng từ số tiền nhận hối lộ.

- Bị cáo **Lê Đình N4**, **Nguyễn Đăng H6** là nhân viên bảo vệ của Công ty, bị cáo **Đoàn Văn V2** làm nghề sửa xe gắn Công ty đã có hành vi nhận tiền của các chủ phương tiện và lái xe, sau đó đưa cho các ĐKV để bỏ qua lỗi, cấp giấy chứng nhận kiểm định đối với các xe không đạt yêu cầu. Bị cáo **Lê Đình N4** phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền môi giới hối lộ là 24.500.000 đồng, bị cáo **V2** 20.700.000 đồng, **H6** 12.700.000 đồng.

Hành vi và hậu quả nêu trên của các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Đình Á**, **Trần Huân N1**, **Trần Duy T3**, **Phan Văn T6**, **Trần Quốc T9**, **Phan Nam K**, **Võ Quốc L3**, **Phạm Minh T11**, **Lâm Văn Lê L5**, **Trương Việt H5** đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi và hậu quả nêu trên của các bị cáo **Lê Đình N4**, **Nguyễn Đăng H6**, **Đoàn Văn V2** đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 365 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường, tính chuẩn mực trong công tác kiểm định xe cơ giới của cơ quan, tổ chức do Nhà nước quy định; làm ảnh hưởng đến uy tín và suy giảm lòng tin của nhân dân đối với những người đang thực thi công vụ. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, có chức vụ, quyền hạn để nhận thức điều đó, nhưng vì động cơ vụ lợi và thiếu ý thức

tôn trọng, chấp hành pháp luật nên thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm, có tổ chức, trong đó các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Huấn N1**, **Trần Đình Á** giữ vai trò chính, là người chỉ đạo, phân công, thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất, các bị cáo **Trần Duy T3**, **Phan Văn T6**, **Trần Quốc T9**, **Phan Nam K**, **Võ Quốc L3**, **Phạm Minh T11**, **Lâm Văn Lê L5**, **Trương Việt H5** là đồng phạm, giữ vai trò giúp sức trong việc nhận hối lộ của các chủ phương tiện, lái xe và các bị cáo môi giới hối lộ, các bị cáo hưởng lợi số tiền tương đương nhau. Các bị cáo **Lê Đình N4**, **Nguyễn Đăng H6**, **Đoàn Văn Vi phạm T19** “Môi giới hối lộ”, trong đó các bị cáo **N4** và **V2** thực hiện hành vi mức độ nguy hiểm như nhau, số tiền môi giới hối lộ tương đương nhau, nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với vị trí, vai trò của mình trong vụ án.

Các bị cáo nhiều lần nhận hối lộ, môi giới hối lộ nhưng mỗi lần dưới 2.000.000 đồng nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Đình Á**, **Trần Huấn N1**, **Trần Duy T3**, **Phan Văn T6**, **Trần Quốc T9**, **Phan Nam K**, **Võ Quốc L3**, **Phạm Minh T11**, **Lâm Văn Lê L5**, **Trương Việt H5** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo nhận hối lộ đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc nhanh chóng phát hiện tội phạm, làm sáng tỏ vụ án, từ lời khai của các bị cáo đã xử lý được các bị cáo khác về hành vi môi giới hối lộ. Do đó, các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo **Nguyễn Đăng H6**, **Lê Đình N4**, **Đoàn Văn V2** đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, các bị cáo **H6**, **N4**, **V2** được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Đình Á**, **Phan Nam K**, **Phạm Minh T11** đã có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác, được cơ quan có thẩm quyền tặng các danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, Huy hiệu 10 năm xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Nam nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo **Trần Huấn N1**, **Trần Duy T3**, **Phan Văn T6**, **Trần Quốc T9**, **Võ Quốc L3**, **Trương Việt H5** được cơ quan có thẩm quyền tặng Giấy khen. Các bị cáo bị xét xử về tội “Nhận hối lộ” đã nộp lại số tiền nhận hối lộ để khắc phục hậu quả nên Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt đối với các bị cáo phạm tội “Nhận hối lộ” với mức án từ 24 đến

30 tháng tù, xử phạt các bị cáo phạm tội “Môi giới hối lộ” 9 tháng, 12 tháng tù là phù hợp.

Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo [Đặng Bảo L](#), [Trần Đình Á](#), [Trần Huân N1](#), [Trần Quốc T9](#), [Võ Quốc L3](#), [Lâm Văn Lê L5](#), [Trương Việt H5](#) xuất trình thêm các tài liệu mới về việc tiếp tục nộp hết toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính và án phí sơ thẩm và tài liệu về việc gia đình có công với Nhà nước có xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền, đây là tình tiết mới và được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo [Lâm](#) hưởng số tiền thu lợi bất chính ít nhất trong số các bị cáo phạm tội nhận hối lộ, bản thân bị cáo đang điều trị bệnh, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo [Á](#) có nhiều cống hiến, có thành tích xuất sắc, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen, bản thân hiện đang điều trị bệnh nguy hiểm. Gia đình bị cáo [N1](#) là gia đình liệt sỹ, có bà là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo bị bệnh phải điều trị. Các bị cáo [Trần Quốc T9](#), [Võ Quốc L3](#), [Lâm Văn Lê L5](#), [Trương Việt H5](#) phạm tội lần đầu, có vai trò chỉ là người đồng phạm, thực hiện theo sự chỉ đạo và thống nhất của cấp trên, bản thân các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. HĐXX xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo [Đặng Bảo L](#), [Trần Đình Á](#), [Trần Huân N1](#), [Trần Quốc T9](#), [Võ Quốc L3](#), [Lâm Văn Lê L5](#), [Trương Việt H5](#) tiếp tục thể hiện rõ sự ăn năn hối cải, các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên cần xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo [Đặng Bảo L](#), [Trần Đình Á](#), [Trần Huân N1](#), [Trần Quốc T9](#), [Võ Quốc L3](#), [Lâm Văn Lê L5](#), [Trương Việt H5](#) thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo [Phan Văn T6](#) trong quá trình học tập và công tác đã nhiều năm đạt Chiến sỹ thi đua cơ sở, liên tục được tặng giấy khen, có nhiều sáng kiến, đề tài cấp ngành, đạt thành tích cao trong cuộc thi Robocon do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có thành tích xuất sắc trong học tập và công tác quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên cần áp dụng cho bị cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo [Trần Duy T3](#), [Phan Văn T6](#), [Phan Nam K](#), [Phạm Minh T11](#) xuất trình thêm các tài liệu mới về việc tiếp tục nộp hết toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính và án phí sơ thẩm, tài liệu về việc các bị cáo có nhiều thành tích, gia đình có công với Nhà nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương các loại, gia đình bị cáo [T3](#) là gia đình liệt sỹ, có bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo [T11](#) có bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng...Gia đình các bị cáo khó khăn, các bị cáo là lao động chính, hiện bị cáo [T3](#), [K](#) đang mắc bệnh tim và các bệnh khác đang phải điều trị. Đây là tình tiết mới để xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đánh giá nhân thân đối với các bị cáo. Xét thấy các bị cáo [Trần Duy T3](#), [Phan Văn T6](#), [Phan Nam K](#), [Phạm Minh T11](#) chỉ là đồng phạm, không phải là người chỉ huy, cầm đầu hay có vai trò chính, phạm tội lần đầu, số tiền thu lợi bất chính không lớn và đã nộp lại toàn bộ, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt, gia đình có truyền thống cách mạng, là gia đình chính sách, bản thân các bị cáo có nhiều cống hiến cho nhà nước và xã hội, là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Các bị cáo bị bệnh và hiện đang phải điều trị, có nhiều tình tiết giảm

nhẹ hơn so với các bị cáo khác và thực sự ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng nên cần áp dụng chính sách khoan hồng của pháp luật, không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho các bị cáo điều trị bệnh cũng là phù hợp và đảm bảo tính răn đe, giáo dục của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo **Lê Đình N4**, **Nguyễn Đăng H6** và **Đoàn Văn V2** xuất trình thêm các tài liệu mới về việc nộp hết án phí sơ thẩm và tài liệu về việc gia đình có công với Nhà nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương các loại, gia đình các bị cáo khó khăn, các bị cáo là lao động chính, bị cáo **Nguyễn Đăng H6** là quân nhân xuất ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ nhiều năm, do đó đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo **Lê Đình N4**, **Nguyễn Đăng H6**, **Đoàn Văn Vi phạm T19** môi giới hối lộ, là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền phạm tội không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, bản thân là người lao động phổ thông, gia đình có công với cách mạng, có hoàn cảnh khó khăn, đã thực sự ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng nên xét cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là phù hợp, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm cũng áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo phạm tội “Nhận hối lộ”, cấm các bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn nhất định là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Đình Á**, **Trần Huân N1**, **Trần Duy T3**, **Phan Văn T6**, **Trần Quốc T9**, **Phan Nam K**, **Võ Quốc L3**, **Phạm Minh T11**, **Lâm Văn Lê L5**, **Trương Việt H5**, **Lê Đình N4**, **Nguyễn Đăng H6** và **Đoàn Văn V2** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và nội dung các quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Đình Á**, **Trần Huân N1**, **Trần Duy T3**, **Phan Văn T6**, **Trần Quốc T9**, **Phan Nam K**, **Võ Quốc L3**, **Phạm Minh T11**, **Lâm Văn Lê L5**, **Trương Việt H5**, **Lê Đình N4**, **Nguyễn Đăng H6** và

Đoàn Văn V2; Sửa bản án hình sự sơ thẩm về phân trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

1. Tuyên bố:

Các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Đình Á**, **Trần Huân N1**, **Trần Duy T3**, **Phan Văn T6**, **Trần Quốc T9**, **Phan Nam K**, **Võ Quốc L3**, **Phạm Minh T11**, **Lâm Văn Lê L5**, **Trương Việt H5** phạm tội “Nhận hối lộ”.

Các bị cáo **Lê Đình N4**, **Nguyễn Đăng H6** và **Đoàn Văn Vi phạm T19** “Môi giới hối lộ”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a, c khoản 2, khoản 5 Điều 354; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Huân N1**, **Trần Đình Á**, **Trần Quốc T9**, **Võ Quốc L3**, **Lâm Văn Lê L5**, **Trương Việt H5**; riêng các bị cáo **Đặng Bảo L**, **Trần Đình Á**, áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

+ Bị cáo **Đặng Bảo L**: 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 14/4/2023). Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bị cáo **Trần Huân N1**: 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 14/4/2023). Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bị cáo **Trần Đình Á**: 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 31/3/2023). Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bị cáo **Trần Quốc T9**: 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 31/3/2023). Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 01 (một) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bị cáo **Võ Quốc L3**: 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án. Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 01 (một) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bị cáo **Lâm Văn Lê L5**: 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án. Cấm bị cáo đảm nhiệm công

việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 01 (một) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bị cáo **Trương Việt H5**: 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án. Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 01 (một) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2, khoản 5 Điều 354; các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17, Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo **Phan Văn T6**, **Trần Duy T3**, **Phan Nam K**, **Phạm Minh T11**; xử phạt:

+ Bị cáo **Phan Văn T6**: 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Bị cáo **Trần Duy T3**: 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Bị cáo **Phan Nam K**: 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Bị cáo **Phạm Minh T11**: 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến đăng kiểm xe cơ giới trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 365; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo **Lê Đình N4**, **Đoàn Văn V2**, **Nguyễn Đăng H6**; xử phạt:

+ Bị cáo **Lê Đình N4**: 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Bị cáo **Đoàn Văn V2**: 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Bị cáo **Nguyễn Đăng H6**: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Trần Duy T3** cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Phan Văn T6** cho Ủy ban nhân dân phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Phan Nam K** cho Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Phạm Minh T11** cho Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Lê Đình N4** cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Nguyễn Đăng H6** cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Đoàn Văn V2** cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí:

Các bị cáo **Đặng Bảo L, Trần Đình Á, Trần Huân N1, Trần Duy T3, Phan Văn T6, Trần Quốc T9, Phan Nam K, Võ Quốc L3, Phạm Minh T11, Lâm Văn Lê L5, Trương Việt H5, Lê Đình N4, Nguyễn Đăng H6** và **Đoàn Văn V2** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo; không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hợp